TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN H** **TỈNH KIÊN G** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/DS-ST
Ngày 11/10/2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng Góp hụi* "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN H, TỈNH KIÊN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Phan Thị Trúc Phương**

Ông **Ngô Rô Be**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Danh Vũ** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Bích Thủy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 và ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2017/TLST-DS ngày 02/11/2017 về vụ kiện "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-DS ngày 09/5/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐHPTST – DS ngày 25/5/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2018/QĐST – DS ngày 21/6/2018 và thông báo về việc mở lại phiên tòa ngày 03/10/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Thùy L**, sinh năm 1969 (*có mặt*).

Địa chỉ: SN 22, Tổ 07, ấp Kinh 8B, xã Thạnh Đông A, huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

* *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim L1**, sinh năm 1972 (*có mặt*).

Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1965 (*có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: tổ 08, ấp Kinh 8B, xã Thạnh Đông A, huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy L trình bày:*** Nguyên trước đây chị L có tham gia chơi hụi do chị Nguyễn Thị Kim L1 làm chủ. Cụ thể các dây hụi như sau:

- Ngày 05/8/2010 chị L tham gia 5 chân hụi dây hụi 3.000.000đ, hụi 3 tháng khui 1 lần, dây hụi có 24 người tham gia, chị L đóng hụi được 12 lần thì chị L1 kêu bãi hụi, số tiền chị L1 còn thiếu chị L 12 lần là 15.000.000đ x 12 lần đóng = 180.000.000đ (*Một*

trăm tám mươi triệu đồng). Nhưng chị L1 xin chị L cho chị L1 trả số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

- Ngày 10/12/2010 chị L tham gia 7 chân hụi dây hụi 2.000.000đ, hụi 1 tháng khui 1 lần, dây hụi có 45 người tham gia, chị L đóng được 33 lần thì chị L1 kêu bãi hụi, số tiền chị L1 còn thiếu chị L 33 lần là 14.000.000đ x 33 lần đóng = 426.000.000đ (*Bốn trăm sáu mươi haitriệu đồng*). Nhưng chị L1 xin chị Linh cho trả số tiền 225.000.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

- Ngày 05/11/2011 chị L tham gia 6 chân hụi dây hụi 2.000.000đ, hụi 2 tháng khui 1 lần, dây hụi có 42 người tham gia, chị L đóng được 16 lần thì chị L1 kêu bãi hụi, số tiền chị L1 còn thiếu chị L 16 lần là 12.000.000đ x 16 lần đóng = 192.000.000đ (*Một trăm chín mươi hai triệu đồng*). Nhưng chị L1 xin chị L để cho trả số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

- Ngày 05/9/2011 chị L tham gia 4 chân hụi dây hụi 1.000.000đ, hụi 1 tháng khui 1 lần, dây hụi có 32 người tham gia, chị L đóng được 24 lần thì chị L1 kêu bãi hụi, số tiền chị L1 còn thiếu chị L 24 lần là 4.000.000đ x 24 lần đóng = 96.000.000đ (*Chín mươi sáu triệu đồng*). Nhưng chị L1 xin cho trả số tiền 52.000.000đ (*Năm mươi hai mươi triệu đồng*).

- Ngày 10/7/2012 chị L tham gia 13 chân hụi dây hụi 1.000.000đ, hụi 1 tháng khui 1 lần, dây hụi có 32 người tham gia, chị L đóng được 24 lần thì chị L1 kêu bãi hụi, số tiền chị L1 còn thiếu chị L 24 lần là 13.000.000đ x 24 lần đóng = 312.000.000đ (*Ba trăm mười hai triệu đồng*). Nhưng chị L1 xin chị L cho trả số tiền 234.000.000đ (*Hai trăm ba mươi bốn triệu đồng*).

- Ngày 05/4/2010 chị L tham gia 4 chân hụi dây hụi vàng 03 chỉ, hụi 4 tháng khui 1 lần, dây hụi có 25 người tham gia, chị L đóng được 8 lần thì chị L1 kêu bãi hụi, số vàng chị L1 còn thiếu chị L 8 lần là 12 chỉ vàng x 8 lần đóng = 96 chỉ vàng 24kr(*Chín mươi sáu chỉ vàng*). Nhưng chị L1 xin chị L cho trả số vàng là 72 chỉ vàng 24kr sau đó chị L1 trả được 47 chỉ vàng và còn thiếu 25 chỉ vàng 24kr.

Sau khi ngưng không kêu hụi nữa thì giữa chị L1 và chị L có tính toán lại với nhau và thống nhất tổng số tiền chị L1 còn nợ của chị L là 787.800.000 đồng (*Bảy trăm tám mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng*) và 72 chỉ vàng 24kr. Sau đó chị L1 có trả tiền và vàng cho chị L nhiều lần, tính đến ngày 15/8/2015 chị L1 còn nợ chị Linh số tiền là 430.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 24kr, chị L1 có viết giấy cho chị L và thỏa thuận mỗi tháng trả 6.000.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 8 năm 2015, sau khi viết giấy cho chị L thì chị L1 tiếp tục trả dần cho chị L được số tiền là 66.000.000 đồng, từ ngày 16/6/2016 đến nay chị L1 không trả tiền cho chị L. Tính đến nay số tiền chị L1 còn thiếu chị L là

364.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi bốn triệu đồng*) và 25 chỉ vàng 24kr, chị L có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng chị L1 không trả.

Tại phiên tòa chị L yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim L1, anh Nguyễn Thanh T trả số số tiền còn nợ là 364.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi bốn triệu đồng*) và 25 chỉ vàng 24kr, chị L yêu cầu tính lãi phần tiền còn thiếu theo quy định pháp luật, phần vàng thì yêu cầu tính lãi là 20.000 đồng/1 chỉ/1 tháng, thời gian tính lãi là từ ngày 16/6/2016 cho đến ngày xét xử.

**** Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L1 trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:***

Chị L1 thống nhất với chị L về việc trước đây chị L1 có làm chủ hụi và chị L có chơi hụi của chị L1 là đúng. Cụ thể các dây hụi chị L tham gia như sau :

- Ngày 05/8/2010 chị L tham gia 5 chân hụi dây hụi 3.000.000 đồng, hụi 3 tháng khui 1 lần, dây hụi có 24 người tham gia, chị L đóng được 12 lần thì chị L1 dừng lại không kêu hụi nữa. Tổng số tiền chị L đóng cho chị L1 trong dây hụi này là 79.420.000 đồng.

- Ngày 05/11/2010 chị L tham gia 6 chân hụi dây hụi 2.000.000 đồng, hụi 2 tháng khui 1 lần, dây hụi có 42 người tham gia, chị L đóng được 16 lần thì chị L1 dừng lại không kêu hụi nữa. Tổng số tiền chị L đóng cho chị L1 trong dây hụi này là 90.360.000 đồng.

- Ngày 10/12/2010 chị L có tham gia 7 chân hụi dây hụi 2.000.000 đồng, hụi 1 tháng khui 1 lần, dây hụi có 50 người tham gia, chị L đóng được 31 lần thì chị L hốt hụi 01 chân, còn lại 6 chân sống hụi kêu đến lần 33 thì chị L1 dừng lại không kêu nữa. Tổng số tiền chị L đóng cho chị L1 trong dây hụi này là 212.760.000 đồng.

- Ngày 05/9/2011 chị L có tham gia 13 chân hụi dây hụi 1.000.000 đồng, hụi 1 tháng khui 1 lần, dây hụi có 41 người tham gia, chị L đóng được 24 lần thì chị L1 dừng lại không kêu nữa. Tổng số tiền chị L đóng cho chị L1 trong dây hụi này là 191.875.000 đồng.

- Ngày 10/7/2012 chị L có tham gia 4 chân hụi dây hụi 1.000.000 đồng, hụi 1tháng khui 1 lần, dây hụi có 32 người tham gia, chị L đóng được 14 lần thì chị L1 dừng lại không kêu nữa. Tổng số tiền chị L đóng cho chị L1 trong dây hụi này là 39.250.000 đồng.

- Ngày 10/4/2011 chị L có tham gia 4 chân hụi dây hụi vàng 3 chỉ vàng 24kr, hụi 3 tháng khui 1 lần, dây hụi có 27 người tham gia, chị L đóng được 8 lần thì chị L1 dừng lại không kêu nữa. Tổng số vàng chị L đóng cho chị L1 trong dây hụi này là 47 chỉ 4 phân vàng 24kr.

Tổng số tiền hụi gốc chị L đã đóng cho chị L1 trong các dây hụi là 613.665.000 đồng và 47 chỉ 4 phân vàng 24kr. Các đây hụi nói trên chị L1 ngưng không kêu nữa là do những người tham gia chơi hụi đã hốt xong nhưng không đóng lại cho chị L1 nên chị L1 không có khả năng bỏ tiền ra đóng nữa. Khi ngưng kêu hụi thì giữa chị L1 và chị L có ngồi tính toán lại thì thống nhất chị L1 còn nợ chị L cả gốc và lãi là 787.800.000 đồng và 75 chỉ vàng 24kr. Sau đó chị L1 có trả cho chị L nhiều lần, tính đến ngày 15/8/2015 chị L1 còn nợ chị L số tiền là 430.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 24kr, chị L1 có viết giấy cho chị L và thỏa thuận trả cho chị L mỗi tháng là 6.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 15 tháng 8 năm 2015, sau khi viết giấy cho chị L thì chị L1 tiếp tục trả cho chị L được 66.000.000 đồng, tổng cộng số tiền chị L1 đã trả cho chị L là 423.800.000 đồng và 50 chỉ vàng 24kr và từ ngày 16/6/2016 cho đến nay thì chị L1 không trả tiền cho chị L.

Nay chị L yêu cầu vợ chồng chị L1 anh T trả số tiền 364.000.000đ và 25 chỉ vàng 24kr thì chị L1 không đồng ý vì cho rằng trong đó đã có tiền lãi, chị L1 xin được trả số nợ gốc còn lại là 189.865.000 đồng, không đồng ý trả số vàng 25 chỉ vàng 24kr vì theo chị L1 số vàng chị L1 đã trả cho chị L nhiều hơn số vàng gốc chị L đóng hụi cho chị L1 và chị L1 xin không tính lãi nữa, khi nào chị L1 thu được tiền của các hụi viên còn lại thì chị L1 sẽ thanh toán lại cho chị L.

**** Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày tại tờ tường trình ngày 08/12/2017:*** anh T có biết vợ anh là chị L1 làm chủ hụi, chị L có tham gia chơi hụi, khi khui hụi thì có đến nhà vợ chồng của anh T khui hụi, anh T có hỏi thì chị L1 nói là chị L chơi ít thôi, khi Tòa án gửi giấy mời anh hỏi chị L1 thì chị L1 trả lời chị L có chơi 40 chân hụi tiền và 7 chân hụi vàng, vì các tay em chơi giật hụi nên chị L1 đã thương lượng với chị L trả gốc cho chị L.

Nay anh yêu cầu xem xét giải quyết anh không dính vào vụ việc tranh chấp tiền hụi giữa vợ anh và chị L, anh không biết gì hết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi vàng của chị L. Không chấp nhận yêu cầu theo lời khai của chị L1 anh T. Buộc vợ chồng chị L1 anh T có nghĩa vụ trả cho chị L số vàng là 25 chỉ vàng 24kr, số tiền là 364.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm từ ngày 16/6/201/2016 trên số tiền 364.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Thanh T với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa anh T vắng mặt. Xét thấy anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Phạm Thị Thùy L và chị Nguyễn Thị Kim L1, anh Nguyễn Thanh T là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu của chị L yêu cầu chị L1 anh T trả cho chị L số tiền hụi còn thiếu là 364.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 24kr. Hội đồng xét xử xét thấy trước đây chị L có tham gia chơi nhiều dây hụi do chị L1 làm chủ, trong quá trình chơi hụi đến ngày 05/8/2013 thì chị L1 ngưng không kêu tất cả các dây hụi và giữa chị L và chị L1 có tính toán thống nhất chị L1 còn nợ chị L tổng cộng số tiền là 787.800.000 đồng, sau đó chị L1 có trả cho chị L nhiều lần, đến ngày 15/8/2015 chị L1 có viết giấy cho chị L với nội dung còn nợ tổng cộng 430.000.000 đồng, 2 cây 5 vàng 24kr và thỏa thuận mỗi tháng trả 6.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 15 tháng 8 năm 2015, sau khi viết giấy cho chị L thì chị L1 có trả thêm cho chị L được số tiền là 66.000.000 đồng, số tiền hiện nay chị L1 còn nợ chị L là 364.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 24kr. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L1 đều thừa nhận chữ viết trong giấy nhận nợ nói trên là của chị L1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[4] Xét lời khai của chị L1 cho rằng, sau khi ngưng kêu hụi chị và chị L tính toán với nhau thì chị còn nợ chị L số tiền là 787.800.000 đồng và 75 chỉ vàng 24kr, tuy nhiên trong số tiền và vàng nói trên thì số tiền gốc là 613.665.000đ và 47 chỉ 4 phân vàng 24kr, còn lại là lãi và tính đến ngày 15/6/2016 tổng cộng chị L1 đã trả cho chị L được 423.800.000 đồng và 50 chỉ vàng 24kr nên nay chị L1 xin trả số tiền gốc còn lại là 189.865.000 đồng, số vàng chị đã trả dư số vàng gốc chị L đã đóng hụi nên chị không đồng ý trả thêm. Hội đồng xét xử xét thấy chị L1 cho rằng chị L chỉ đóng hụi cho chị được số tiền gốc là 613.665.000đ và 47 chỉ 4 phân vàng 24kr, việc này không được chị L thừa nhận và trong sổ hụi do chị L1 cung cấp thì không thể hiện việc chị L có ký xác nhận đóng tiền hụi mỗi lần là bao nhiêu. Theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 về hụi, họ, biêu, phường quy định : tùy theo từng loại họ, sổ họ có thể bao gồm các nội dung sau *:……chữ ký hoặc điểm chỉ của các thành viên khi góp họ và lĩnh họ*.

Chị L1 cho rằng khi hòa giải giữa chị và chị L tại địa phương vào ngày 12/9/2017 thì chị có trình bày trong số tiền 787.800.000 đồng và 75 chỉ vàng 24kr thì số tiền gốc là

613.665.000 đồng và 47 chỉ 4 phân vàng 24kr nhưng do thư ký buổi hòa giải không ghi trong biên bản và tại phiên tòa chị L1 cung cấp cho Tòa án tờ tường trình ngày 12/12/2017 do ông T1 là tổ trưởng tổ hòa giải tường trình về việc bổ sung giải thích biên bản hòa giải ngày 12/9/2017 và để đảm bảo giải quyết vụ án được chính xác, khách quan và về mặt đạo đức xã hội Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập chứng cứ. Tuy nhiên theo xác minh của Tòa án đối với những người biết sự việc là ông Đỗ Văn L2, ông Trịnh Đình Đ, ông Đỗ Trung T1, ông Trần Xuân B (BL 91, 92, 93, 94) là thành viên tổ hòa giải đều cho rằng sau khi lập biên bản thì có đọc lại cho các bên nghe và đồng ý ký tên vào biên bản và trong biên bản không thể hiện việc chị L1 không đồng ý với biên bản hòa giải. Mặt khác tại tờ tường trình ngày 12/12/2017 (BL 89) ông T1 là tổ trưởng tổ hòa giải bổ sung trong số tiền 787.000.000 đồng là cả gốc và lãi, trong đó đã trả 423.800.000 đồng tiền gốc, còn 364.000.000 đồng tiền lãi nhưng tại phiên tòa chính chị L1 khai trong số tiền 787.800.000 đồng thì số tiền gốc là 613.665.000đ và 174.135.000 đồng là tiền lãi, lời khai của chị L1 và lời trình bày tại tờ tường trình của ông T1 cũng như lời trình bày của những người biết sự việc là mâu thuẫn với nhau, hơn nữa tờ tường trình ngày 12/12/2017 của ông T1 không thông qua cho các thành viên của tổ hòa giải và các thành viên tổ hòa giải không biết về việc ông T1 đính chính biên bản hòa giải tại ấp Kinh 8B ngày 12/9/2017.

Ngoài ra, sau khi ngưng kêu hụi thì giữa chị L, chị L1 có tính toán và thống nhất với nhau về số nợ và chị L1 đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị L trong thời gian từ năm 2013 đến ngày 15 tháng 8 năm 2015 thì chị L1 viết giấy cho chị L với nội dung còn nợ 430.000.000 đồng và 25 chỉ vàng 24kr và trong giấy này cũng không thể hiện số tiền gốc bao nhiêu, lãi bao nhiêu. Sau khi viết giấy nợ thì chị L1 tiếp tục thực hiện việc trả nợ cho chị L đến ngày 15 tháng 6 năm 2015 việc này thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận thống nhất về số tiền chị L1 còn nợ của chị L, phù hợp với lời khai của những người cùng chơi hụi là bà H, bà T2 và bà T3 (BL 60,61,62) cho rằng sau khi ngưng kêu hụi thì các bên có thỏa thuận với nhau về số tiền còn nợ. Mặt khác chị L1 không có chứng cứ gì khác để chứng minh cho lời trình bày của mình về số tiền, số vàng gốc còn nợ cho nên lời khai của chị L1 là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của chị L yêu cầu vợ chồng chị L1 anh T phải trả lãi theo quy định của pháp luật trên số tiền còn thiếu kể từ ngày 16/6/2016 cho đến nay là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, sau khi chị L và chị L1 thống nhất với nhau về số tiền và vàng còn nợ thì chị L đã để cho chị L1 trả dần số tiền, vàng còn thiếu nhưng từ ngày 16/6/2016 cho đến nay thì chị L1 không thực hiện việc trả nợ cho chị L là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận của các bên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015

"*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*"

Chị L và chị L1 đều thừa nhận các dây hụi do chị L1 làm chủ và chị L tham gia, trong từng kỳ khui hụi thì ai là người bỏ giá cao nhất thì người đó được hốt hụi và đây là hụi có lãi theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 về hụi, họ, biêu, phường. Tuy nhiên, trong trường hợp này chị L và chị L1 không xác định rõ về lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS 2015 thì " *Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*" và 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định là 10%/năm : 12 tháng = 0,83%. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

- Số tiền 364.000.000 đồng kể từ ngày 16/6/2016 đến ngày 11/10/2018 là 27 tháng 25 ngày: 364.000.000 đồng x 0,83% x 27 tháng 25 ngày = 84.090.050 đồng (*Tám mươi bốn triệu không trăm chín mươi nghìn không trăm năm mươi đồng*).

[6] Xét yêu cầu của chị L yêu cầu vợ chồng chị L1 anh T phải trả lãi 20.000 đồng/chỉ/tháng trên số vàng còn thiếu kể từ ngày 16/6/2016. Lãi 20.000 đồng/chỉ/tháng x 25 chỉ x 27 tháng 25 ngày = 13.916.666 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định của pháp luật thì lãi suất vàng chỉ được chấp nhận khi Ngân hàng Nhà nước có quy định. Giao dịch giữa chị L và chị L1 được xác lập từ năm 2010, tuy nhiên từ năm 2010 cho đến nay Ngân hàng nhà nước Việt Nam không có bất kỳ văn bản nào quy định về lãi suất cho vay vàng hay lãi suất cơ bản đối với vàng. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu của chị L về việc yêu cầu vợ chồng chị L1 anh T trả lãi trên số vàng còn thiếu.

[7] Xét lời khai của anh T cho rằng anh có biết việc chị L chơi hụi và chị L1 làm chủ hụi, các lần khui hụi có đến nhà anh để khui hụi, nhưng anh không biết chị L chơi nhiều chân hụi như thế và anh yêu cầu xem xét giải quyết anh không dính vào vụ việc tranh chấp tiền hụi giữa chị L1 và chị L.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 " *vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của luật này"*.

Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"*.

Hội đồng xét xử xét thấy việc chơi hụi giữa chị L và chị L1 thì anh T đều biết thể hiện qua việc các lần khui hụi đều khui ở nhà chị L1 anh T và khoản nợ này phát sinh

trong thời kỳ hôn nhân. Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng chị L1 anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền gốc là 364.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi bốn triệu đồng*), lãi là 84.090.050 đồng ((*Tám mươi bốn triệu không trăm chín mươi nghìn không trăm năm mươi đồng*), tổng cộng gốc và lãi là 448.090.050 đồng (*Bốn trăm bốn mươi tám triệu không trăm chín mươi nghìn không trăm năm mươi đồng*) và 25 (*Hai mươi lăm*)chỉ vàng 24kr là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở chấp nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 448.090.050 đồng (*Bốn trăm bốn mươi tám triệu không trăm chín mươi nghìn không trăm năm mươi đồng*) và 25 chỉ vàng 24kr

Giá vàng tại thời điểm xét xử là 3.375.000 đồng/chỉ x 25 chỉ vàng 24kr = 84.375.000 đồng.

Án phí tính như sau: 448.090.050 đồng + 84.375.000 đồng = 532.465.050 đồng

532.465.050 đồng án phí là 20.000.000 đồng + (132.465.756 đồng x 4% = 5.298.602 đồng) = 25.298.602 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi vàng: án phí là 13.916.666 đồng x 5% = 695.833 đồng.

- Yêu cầu tính lãi vàng của chị L không được chấp nhận nên chị L phải chịu tiền án phí là 695.833 đồng, làm tròn thành 695.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng*). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007647 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên G. Chị L còn được nhận lại số tiền là 10.085.000 đồng (*Mười triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) theo lai thu nói trên.

- Buộc chị L1 anh T phải nộp 25.298.602 đồng, làm tròn thành 25.298.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 351, 357, Khoản 2 Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 về hụi, họ, biêu, phường.

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thuỳ L về việc yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim L1 anh Nguyễn Thanh T trả số tiền gốc 364.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi bốn triệu đồng*), tính lãi trên số tiền còn thiếu theo quy định của pháp luật và số vàng 25 (*Hai mươi lăm*) chỉ vàng 24kr.

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thùy L về việc yêu cầu tính lãi số vàng 25 (*Hai mươi lăm*) chỉ vàng 24kr.

3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim L1 và anh Nguyễn Thanh T.

4. Buộc chị Nguyễn Thị Kim L1 và anh Nguyễn Thanh T trả cho chị Phạm Thị Thuỳ L tổng cộng số tiền là 448.090.050 đồng (*Bốn trăm bốn mươi tám triệu không trăm chín mươi nghìn không trăm năm mươi đồng*) và 25 (*Hai mươi lăm*) chỉ vàng 24kr.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc chị Phạm Thị Thùy L phải nộp tiền án phí là 695.000 đồng (*Sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng*). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007647 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên G. Chị L còn được nhận lại số tiền là 10.085.000 đồng (*Mười triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) theo lai thu nói trên.

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim L1 và anh Nguyễn Thanh T phải nộp 25.298.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên G;*
- *VKS nhân dân huyện Tân H;*
- *Chi cục THA huyện Tân H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái